

**THEO DÕI MÔ HÌNH NĂM 2022**

STT	Tên mô hình	Mã số	TB chọn hộ					Số TB	Đề cương				Ghi chú
			Phiếu theo dõi	Đơn đăng ký	BB thăm định	DS đủ điều kiện	DS tổng hợp giống, vật tư,...		Phiếu theo dõi	Đề cương	Hợp đồng	Phiếu góp ý	
1	Nuôi cá cảnh trong ao (cá Koi thương phẩm)	CC01. TS								20. 19/12/22			
2	Trồng RAQ theo quy trình GAP	CC02. TT						475. 24/6/22		15. 12/12/22			
3	Trồng RAL theo quy trình GAP	CC03. TT						474. 24/6/22		13. 12/12/22			
4	Trồng RAL theo quy trình GAP	HM01. TT						452. 20/6/22		12. 12/12/22			
5	Trồng RAL theo quy trình GAP	BC01. TT						473. 24/6/22		14. 12/12/22			
6	Thâm canh xoài theo quy trình GAP	CG01. TT						476. 24/6/22		16. 12/12/22			
7	Trồng mai năm thứ tư	BC02. TT						485. 28/6/22		11. 12/12/22			
8	Trồng mai năm thứ tư	BC03. TT						485. 28/6/23		11. 12/12/23			
9	Trồng mai năm thứ tư	BC04. TT						485. 28/6/24		11. 12/12/24			
10	Trồng mai năm thứ tư	BC05. TT						485. 28/6/25		11. 12/12/25			
11	Trồng mai năm thứ nhất	BC06. TT						484. 28/6/22		10. 12/12/22			
12	Trồng mai năm thứ nhất	BC07. TT						484. 28/6/23		10. 12/12/22			
13	Trồng mai năm thứ nhất	BC08. TT						484. 28/6/24		10. 12/12/22			
14	Trồng mai năm thứ nhất	BC09. TT						484. 28/6/25		10. 12/12/22			
15	Trồng thâm canh bưởi theo quy trình GAP	BC10. TT						538. 12/7/22		16B. 12/12/22			
16	Trồng thâm canh bưởi theo quy trình GAP	CC04. TT						530. 08/7/22		16A. 12/12/22			
17	Nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh UDCNC	CG02. TS						909. 08/11/22		03. 16/11/22			

18	Nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh UDCNC	CG03.TS						828. 11/10/22		03. 21/11/22			
19	Nuôi tôm thẻ chân trắng theo quy trình GAP	CG04. TS								02. 12/9/22			
20	Áp dụng khẩu phần thức ăn TMR trong chăn nuôi bò sữa	CC05. CN	x	x	x	x	x	552. 13/7/22	x	09. 02/12/22			
21	Áp dụng khẩu phần thức ăn TMR trong chăn nuôi bò sữa	CC06. CN	x	x	x	x	x	970A. 01/12/22	x	09. 02/12/22			
22	Chăn nuôi bò thịt lai giống ngoại	BC11.CN						387. 30/5/22	x	05. 02/12/22		x	
23	CGH trong chăn nuôi bò sữa (Máy trộn thức ăn)	HM02. CN	x					616. 26/7/22		19. 16/12/22			
24	Chăn nuôi bò thịt lai giống ngoại (cai sữa đến 18 tháng)	CC07. CN						528. 07/7/22	x	04. 02/11/22		x	
25	Chăn nuôi bò thịt lai giống ngoại (vỗ béo)	CC08. CN						824. 11/10/22 973. 02/12/22	x	06. 02/12. 22		x	
26	Chăn nuôi heo thịt trên nền đệm lót sinh học	BC12. CN						971. 02/12/22		17. 14/12/22			
27	Chăn nuôi bò thịt lai giống ngoại (vỗ béo)	HM03.CN	x					386. 30/5/22	x	08. 02/12/22		x	
28	Chăn nuôi bò thịt lai giống ngoại (cai sữa đến 18 tháng)	HM04. CN						397. 31/5/22	x	07. 02/12/22		x	